

Số: 275/TB-BVTH

Thiệu Hoá, ngày 04 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán, máy móc thiết bị sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa năm 2025-2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa - Thị trấn Thiệu Hóa - Huyện Thiệu Hóa - Tỉnh Thanh Hóa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Lê Thị Hằng - Trưởng khoa Dược - Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa - Thị trấn Thiệu Hóa - Huyện Thiệu Hóa - Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0912810063

Địa chỉ email: lehangbvth@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa - Thị trấn Thiệu Hóa - Huyện Thiệu Hóa - Tỉnh Thanh Hóa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải thông báo mời chào giá.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: (chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược - Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa - Thị trấn Thiệu Hóa - Huyện Thiệu Hóa - Tỉnh Thanh Hóa. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế,

phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo từng đợt, 18 tháng kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

4. Yêu cầu các đơn vị báo giá đăng rõ quy cách hàng hóa

- Hàng hoá là hoá chất theo máy yêu cầu báo giá toàn bộ mặt hàng theo từng máy theo khả năng cung cấp của nhà thầu.

- Hàng hoá là vật tư y tế, sinh phẩm chẩn đoán báo giá từng mặt hàng.

5. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Thanh toán: theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tại Bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

6. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng báo giá: Phụ lục 02

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan: 01 bản in hoặc 01 bản mềm lưu trong USB.

Nơi nhận:

- Các nhà thầu;

- Lưu: VT; KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lê Lâm

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Thông báo yêu cầu báo giá số: 275/TB-BVTH ngày 04 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Thiệu Hoá)

STT phần lô	STT mặt hàng	Mã vật tư	Tên hàng hóa mời thầu	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
1		Hoá chất, vật tư dùng cho hệ thống xét nghiệm sinh hoá tự động COBAS C 311-ROCHE					
	1	VT.2025.1	Bóng đèn máy xét nghiệm sinh hoá	Bóng đèn máy sinh hoá điện trở 12V, công suất 50W dùng cho hệ thống xét nghiệm sinh hoá tự động COBAS C 311-ROCHE	Cái	15	
	2	VT.2025.2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng lactate	R1 Hydrogen donor: 1.75 mmol/L; ascorbate oxidase (dưa chuột): 501 µkat/L; đệm; chất bảo quản R2 4-Aminoantipyrine: 5 mmol/L; lactate oxidase (vi khuẩn): 251 µkat/L; peroxidase (củ cải): 401 µkat/L; đệm; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	test	1.300	
2	3	VT.2025.3	Bông mỡ cuộn	- Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông , không loại mỡ - nguyên liệu 100% sợi Bông xo tự nhiên. - Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi, bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bóng. Chất liệu sợi bông với độ dày tối ưu, êm, bảo vệ da, tăng độ an toàn khi tháo bột. - Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp bề mặt mịn, không xơ thừa. - Kích thước: 0,1m x 2m, chưa tiệt trùng, định lượng màng 120gsm Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE, FDA	Cuộn	2.000	
3	4	VT.2025.4	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	50.000	
4	5	VT.2025.5	Điện cực tim	Miếng dán điện cực nền xốp tự dính dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor cho người lớn - Chất liệu: Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Nền xốp kháng nước. - Kích thước: 4x 3.3 cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, thông thoáng, gel sử dụng ít chloride, dễ chịu cho da, nút điện cực có nắp bảo vệ. Độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đổ mồ hôi. - Dính tốt trên da lên đến 3 ngày.	Cái	15.000	
5	6	VT.2025.6	Lưỡi dao mổ	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22,23,24, 25 và 36. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ. Lưỡi dao được đóng gói trong túi giấy bạc aluminum riêng lẻ.Sử dụng một lần.	Cái	6.000	

6	7	VT.2025.7	Bộ phụ kiện máy khí dung	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2100mm, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. 	Cái	3.000
7	8	VT.2025.8	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết Onetouch Ultra Plus của hãng Lifescan	test	4.000
8	9	VT.2025.9	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết Onetouch Verio Hospital	test	7.000
9	10	VT.2025.10	Parafin rắn	Chất rắn dạng sáp màu trắng , không mùi , không vị .Nó không hòa tan trong nước , nhưng hòa tan trong ê te , benzen và một số este .	kg	1.000
10	11	VT.2025.11	Thông tiêu 2 nhánh phủ silicone các số	<ul style="list-style-type: none"> - Được tiệt trùng riêng biệt từng cái bằng khí EO - Chất liệu bao bì từ PE+ giấy đã vô trùng - Thành dày chống gãy gập - Lòng ống được tráng silicon - Có sợi chrom tăng cứng - Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm, giảm kích thích bàng quang, lòng ống quan sát được sự thoát nước của ống thông - Chiều dài 400mm - Chiều dài phễu 40mm - Phân biệt kích thước bằng màu sắc - Được phủ hydrophilic - An toàn cho bệnh nhân - Mặt sau dầu hơn, chống gãy gập - Thời gian trong cơ thể người ≤ 7 ngày - Bề mặt nhẵn mịn và đầu tip mềm , tron lág không gây tổn thương, kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. - Sản xuất bằng 100% cao su tự nhiên, phủ dầu silicon tron nhẵn giảm phản ứng dị ứng, độ cong thích hợp giảm kích ứng - Không chứa DEHP gây ung thư, dị ứng - Bóng cao su được thiết kế đối xứng, đồng tâm căng tròn đều, chống vỡ, đàn hồi tốt, tránh bị dính khi đặt lâu và giảm kích thước bàng quang 	Cái	3.500

				- Bóng không bị rò rỉ - Dung tích bóng từ 5-30ml		
11	12	VT.2025.12	Dây dẫn lưu silicon vô trùng	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm . Được tiệt trùng bằng EO.	Cái	100
12	13	VT.2025.13	Túi camera vô trùng	Thành phần gồm 1. Ống nylon 18 x 230 cm - Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2.Túi nylon 9 x 14 cm - Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Được sản xuất từ nylon Pe màu sắc đồng đều, có độ trong ,bề mặt mềm mịn có độ dẻo dai. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận CE ; Thực hành sản xuất tốt GMP	Cái	2.000
13	14	VT.2025.14	Test nước tiểu 11 thông số	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số dùng cho máy phân tích nước tiểu Urometer 720 - Standard Diagnostic/Hàn quốc	test	40.000
14	15	VT.2025.15	Chế phẩm sát khuẩn tay nhanh dùng trong gia dụng và y tế	75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	Lít	100
15	16	VT.2025.16	Chế phẩm sát khuẩn tay và tắm sát khuẩn dùng trong y tế	2%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	Lít	60
16	17	VT.2025.17	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).	Lít	50
17	18	VT.2025.18	Dung dịch tẩy rửa trang thiết bị y tế	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.8-7.3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau	Lít	50
18	19	VT.2025.19	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride, Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic.	Lít	150

				Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111 Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111		
19	20	VT.2025.20	Chế phẩm sát khuẩn tay phẫu thuật dùng trong y tế	4%kl/kl Chlorhexidine Digluconate.Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	Lít	260
20	21	VT.2025.21	Dung dịch nhuộm soi trực khuẩn lao	Bộ nhuộm dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin chai >=250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai >= 250ml và Methylene Blue chai >=250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai >=250ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	10
21	22	VT.2025.22	Dung dịch nhuộm	Bộ nhuộm dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai >=100ml, Lugol chai >= 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai >= 100ml và Safranin chai >= 100ml	Bộ	10
22	23	VT.2025.23	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue NS1	Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột (0,0623 ± 0,0200 µg), Keo vàng - IgY gà (0,050 ± 0,015 µg). Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab (0,64 ± 0,20µg). Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0,64 ± 0,20µg). Độ nhạy 92,4% (khoảng tin cậy 95%: 86,1 - 95,9%) và độ đặc hiệu 98,4% (khoảng tin cậy 95%: 95,5 - 99,5%) so với RT-PCR. Thẻ tích mẫu sử dụng: khoảng 100 µl. Các chất chống đông bao gồm herapin, EDTA và citrat không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm.	Test	2.500
23	24	VT.2025.24	Test nhanh chẩn đoán cúm A, B	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên Cúm A và tít B trong bệnh phẩm mũi họng của người, dạng khay. * Thành phần: - Kháng thể đơn dòng chống lại kháng nguyên cúm loại A và loại B. - polystyrene latex màu đỏ. - polystyrene latex xanh. - Màng nitrocellulose. - Kháng thể của dê chống lại globulin miễn dịch của chuột. - Liên hợp vàng. * Vạch chứng: Kháng thể kháng protein đặc hiệu: <1 mg. * Vạch thử nghiệm: Kháng thể đơn dòng kháng chuột loại A: <2 mg. * Vạch thử nghiệm: Kháng thể đơn dòng chuột kháng typ B :<2 mg. * Dung dịch pha loãng cúm A+B: - Mô tả vật lý: Thuốc thử không màu không có hạt. - Thành phần định lượng: Chất làm sạch : 1-2%; PBS-Azide: 98-99% * Giới hạn phát hiện: cúm A là 9,4 ng/ml và cúm B là 18,8 ng/ml. * Độ nhạy, độ đặc hiệu: - Độ nhạy : >=99%. - Độ đặc hiệu : >=99% - Vùng sản xuất : Châu Âu. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2FSC Châu Âu	Test	8.500
24	25	VT.2025.25	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H. pylori	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC	Test	8.000

				<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 94.88% , độ đặc hiệu tương: 95.38% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng IgG người (0,16 µg) - Vạch kết quả : Kháng nguyên H.pylori (0,2 µg) - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,88 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường 		
25	26	VT.2025.26	GeL bôi trơn	Gel bôi trơn hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng	tuýp	300
26	27	VT.2025.27	Dây garo	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, không phủ bột, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. đóng gói 10 cái/ gói. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Thực hành sản xuất tốt GMP	cái	150
27	28	VT.2025.28	Giấy in nhiệt siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> - Là giấy in nhiệt để in kết quả siêu âm sản khoa. - Chất liệu 100% bột gỗ - Mỗi cuộn giấy in được đóng gói trong 1 bao thiếc - Kích thước: 110mm x 20m - Là giấy in nhiệt để in kết quả siêu âm sản khoa, để hỗ trợ phục vụ cho các hoạt động chẩn đoán y khoa của bác sỹ. - Dùng cho các máy in nhiệt đen trắng của hãng SONY: 897MD/UPD897/UP-895MD/UP-D895/UP-D895MD/UP-880/UP-D890/UP-890MD/UP... - Dùng cho các máy in nhiệt đen trắng của hãng Mitsubishi: P93W/P93C/P93DC/P91E/P91DW/(UB)/P40E/P63E/P68E/P90E 	cuộn	1.200
28	29	VT.2025.29	Phim X-quang nha khoa rửa nhanh	Phim X-quang dùng trong nha khoa, có dính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim. Kích thước phim: 30.5x40.5	tờ	1.200
29	30	VT.2025.30	Kim tiêm an toàn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kim có đầu an toàn bật ra bịt đầu kim khi rút kim ra. 2. Cánh chống trượt, mặt trái có nhiều gờ nhám 3. Đầu kim được phủ silicon. 4. Dây nối cấu tạo từ chất liệu nhựa Polyvinylchloride, không DEHP, đầu nối vận xoắn. <ul style="list-style-type: none"> - Dây nối 30cm cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC (Polyvinylchloride), không DEHP, đầu nối vận xoắn. Đường kính ngoài của dây 2.4mm, đường kính trong 1.35mm - Thể tích mỗi 0.56ml. - Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304. Lực xuyên da 90gf - Lực liên kết giữa kim và đốc kim trên 3.0kgf, giữa dây và đốc kim trên 1.8kgf - Chịu được áp lực 39KPa 5. Kim làm bằng thép không gỉ. 	Cái	10.000

				6. Các cỡ kim 21G; 23G; 25G Sản phẩm đóng gói vô trùng		
30	31	VT.2025.31	Lam kính hiển vi mài mờ	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc.	cái	6.000
31	32	VT.2025.32	Nẹp cổ cứng	Sản phẩm được làm từ chất liệu mút mật độ cao, mềm nhẹ và nhám dính. Gồm 2 mảnh riêng biệt, mảnh phía trước được gắn khuôn nhựa, có lỗ rộng để luồn ống nội khí quản, mảnh phía sau được gắn thêm thanh nẹp nhựa tăng cường tính cố định có sản phẩm, 2 mảnh được gắn với nhau bởi băng nhám dính giúp cố định cột sống cổ, sản phẩm có những lỗ nhỏ giúp thoáng khí khi sử dụng. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.	cái	50
32	33	VT.2025.33	Máy điện châm	Máy điện châm -Các sóng đầu ra: + Sóng liên tục; Sóng thưa và dày; Sóng ngắt quãng; Sóng thẳng trâm; Sóng hô hấp. - Đầu ra 6 tổ: có thể điều chỉnh độc lập. -Chức năng hẹn giờ: Từ 0~60 phút -Nguồn điện: DV9V -Kích thước 220 x 170 x 75 mm; -Trọng lượng 1.2kg Phụ kiện : + Máy chính: 01 cái; + Nguồn 9v: 01 cái + Dây điện châm: 05 cái + Dây điện xung 01 cái + Điện cực dán: 2 cái + Bút dò huyết: 01 cái	cái	80
33	34	VT.2025.34	Chloramin B	- Hàm lượng: Clorine hoạt tính 25%. - Dạng bột màu trắng, mùi đặc trưng clo.	kg	1.000
34	35	VT.2025.35	Ống thông tiểu 1 nhánh các số	- Được làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên mềm dùng trong y tế, có màu đỏ, có phủ silicon, tròn đều, không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi sử dụng - Có thiết kế 1 nhánh dùng để thông tiểu hiệu quả và nhanh chóng - Có co nổi hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. - Có 2 đầu thông nhau dạng hình ống để dẫn chất thải - Được phủ 1 lớp silicon - Đầu tù nhỏ với 2 lỗ thông bom- hút dịch, thoát nước cạnh bên - Mã hóa các cỡ theo màu - Tiệt trùng và đóng gói riêng từng cái	cái	600
35	36	VT.2025.36	Sonde Nelaton số 14	- Được làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên mềm dùng trong y tế, có màu đỏ, có phủ silicon, tròn đều, không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi	cái	500

				<p>sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thiết kế 1 nhánh dùng để thông tiêu hiệu quả và nhanh chóng - Có co nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiêu hoặc bình chứa. - Có 2 đầu thông nhau dạng hình ống để dẫn chất thải - Được phủ 1 lớp silicon - Đầu tù nhỏ với 2 lỗ thông bom- hút dịch, thoát nước cạnh bên - Mã hóa các cỡ theo màu - Tiệt trùng và đóng gói riêng từng cái 		
36	37	VT.2025.37	Gạc phẫu thuật ổ bụng	<p>Gạc phẫu thuật ổ bụng 30x40x8 lớp</p> <p>Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút cao.</p> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm được may 4 góc và có dây quai đính kèm - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 10 gam nước trở lên; - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-13 sợi/cm - Trọng lượng: $\geq 23\text{g/m}^2$ - Tốc độ hút nước: $\leq 5\text{s}$ - Độ PH: Đạt trung tính - Tinh bột và dextrin: không có - Chất tan trong chất béo: $< 0,1\%$ - Chất tan trong nước: $\leq 0,08\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ 	miếng g	15.000
37	38	VT.2025.38	Ống đặt nội khí quản có bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Mềm mại không gây tổn thương: Đầu bo tròn đảm bảo việc cắm ống mềm mại và trơn tru và mắt Murphy - Thân ống mềm mại không có gờ sắc giúp việc đặt ống trở nên dễ dàng hơn. Thành ống nhẵn ngăn chặn sự tích tụ dịch tiết - Ống kín: Thiết kế hình trụ và thành ống dày. Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ, cung cấp khóa thành khí quản tích cực. Phù hợp với phẫu thuật đặt nội khí quản (ngắn) hoặc cao hơn. Bóng mềm mỏng, chất liệu PU. Độ dày bóng $\leq 0.04\text{mm}$ đối với ống trẻ em, Độ dày bóng $\leq 0.06\text{mm}$ đối với ống người lớn. Ống được in kích thước, chiều dài và các thông tin khác để tham khảo trực quan nhanh chóng. Thành mỏng giúp hạn chế việc không bịt kín. - Có đường cân quang: giúp dễ dàng nhận biết được vị trí của ống - Chất liệu nhựa PVC cao cấp dùng trong y tế: trong suốt, mềm, nhạy cảm với nhiệt, chống xoắn và gãy gập, không độc hại, không chứa DEHP, latex hạn chế nguy cơ chấn thương, đảm bảo tính linh hoạt của ống, phù hợp với đường thở. Tạo đủ độ cứng cho lần đặt đầu tiên, mềm ở nhiệt độ cơ thể. hoạt động tốt nhất ở tiết diện cốp là điều chỉnh động học với áp lực và điểm tiếp xúc trong chu kỳ thở giảm nguy cơ gây tổn thương khí quản. - Thân ống trong đầu tù và có valve kiểm soát - Kích cỡ: từ 2.0mm-10.0mm 	cái	400

				- Tiệt trùng: bằng khí EO 100%		
38	39	VT.2025.39	Bao cao su tránh thai	<p>a. Tiêu chuẩn cơ bản:</p> <p>Mùi: Không mùi hoặc có mùi hương</p> <p>Màu sắc và độ trong: Trong mờ và không màu</p> <p>+ Size 52:</p> <p>- Chiều dài: ≥ 180 mm</p> <p>- Chiều rộng: $52 \text{ mm} \pm 2\text{mm}$</p> <p>- Độ dày:</p> <p> Thể tích và áp suất nổ:</p> <p>Trước lão hóa:</p> <p>- Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50mm.</p> <p>- Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50mm đến 56mm.</p> <p>- Áp suất nổ: ≥ 1.0 kPa</p> <p>b. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản, phải đạt:</p> <p>- Chất bôi trơn: Bao cao su được bôi trơn bằng dung dịch Silicone có độ nhớt từ 200 đến 350 CS.</p> <p>- Tổng hàm lượng bôi trơn (bao gồm cả bột, hương liệu) là $550\text{mg} \pm 150\text{mg}$.</p> <p>- Bên cạnh đó Merufa là đơn vị sản xuất nên có thể đáp ứng sản phẩm có đặc thù riêng cho từng bệnh viện cũng như có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng về chiều dày, chiều dài, tổng hàm lượng chất bôi trơn,...</p>	cái	6.000
39	40	VT.2025.40	Khóa ba chạc kèm dây nối	<p>- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock.</p> <p>- Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ.</p> <p>- Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh</p> <p>- Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về độ vô khuẩn ISO 11737-2:2018, Hàm lượng chất gây sốt đạt tiêu chuẩn ISO 10993-7:2008 (của đơn vị thứ 3)</p>	cái	1.500
40	41	VT.2025.41	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi số 2/0	<p>Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 2/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 24mm, 3/8C. Kim OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA</p>	sợi	1.000
41	42	VT.2025.42	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi số 4/0	<p>Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 4/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 19mm, 3/8C. Kim OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA</p>	sợi	100
42	43	VT.2025.43	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	<p>Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ Epsilon-caprolactone và Calcium stearate (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm. Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày.</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,58 -</p>	Sợi	500

				0,78mm Độ bền kéo nút thắt 25,1N và $\geq 142\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 14,4N. Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA		
43	44	VT.2025.44	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ Epsilon-caprolactone và Calcium stearate (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 18mm. Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,43 - 0,58mm Độ bền kéo nút thắt 14,3N và $\geq 151\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 9,4N. Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA	Sợi	700
44	45	VT.2025.45	Chỉ khâu nhân khoa 9/0; 10/0	Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9/0, 10/0 có 2 kim hình thang Chỉ đơn không tiêu AS -140-6 Đường kính 0.15mm Chiều dài 6.0mm 3/8 đường tròn 140° Chiều dài chỉ : 30cm Tiêu chuẩn chất lượng, ISO 13485 CE	Sợi	100
45	46	VT.2025.46	Chỉ không tan tổng hợp số 1, kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon) số 1, dài 75 cm, sợi chỉ phủ silicon, kim tam giác 3/8c, dài 30 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	Tép	300
46	47	VT.2025.47	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp (Nylon) số 5/0, dài 75 cm, sợi chỉ phủ silicon, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	Tép	1.200
47	48	VT.2025.48	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ Epsilon-caprolactone và Calcium stearate (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C, 40mm. Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,78 - 1,28mm Độ bền kéo nút thắt 78,4N và $\geq 154\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ 35,2N. Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA	Tép	3.000
48	49	VT.2025.49	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ Epsilon-caprolactone và Calcium stearate (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm. Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,68 - 1,28mm	Tép	2.000

				Độ bền kéo nút thắt 43,6N và $\geq 163\%$ so với giới hạn USP. Lực tách kim và chi 21,1N. Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA		
49	50	VT.2025.50	Chi không tan tổng hợp	Chi không tan tổng hợp (Polypropylene) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm (đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình), Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	108
50	51	VT.2025.51	Chi không tan tổng hợp	Chi không tan tổng hợp (Polypropylene) số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	108
51	52	VT.2025.52	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học Drew 3	Dùng để xét nghiệm ra kết quả 3 thông số trong thành phần của máu: WBC, RBC, HGB Thành phần: Chất pha loãng: sử dụng để thực hiện pha loãng cần thiết cho phép đo, đếm và định cỡ. Chất ly giải: Sử dụng cho 3 mục đích khác nhau: Ly giải các tế bào hồng cầu và thực hiện đếm tế bào bạch cầu; Tách bạch cầu thành 3 thành phần riêng biệt; Tạo thành phức hợp cyanmethemoglobin để xác định HGB Dung dịch làm sạch: được sử dụng để làm sạch hệ thống đo lường và mạch chất lỏng.	ml	587.500
52	53	VT.2025.53	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR) - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng (1,0 \pm 0,2 μ g), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) (1,5 \pm 0,3 μ g), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người (2,0 \pm 0,4 μ g) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: 10 μ l - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55 \pm 1°C - Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh HIV theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List) - Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO PQ	Test	3.000
53	54	VT.2025.54	Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy	Sử dụng phương pháp sắc ký miễn dịch phát hiện định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện (cut-off) MET: Methamphetamine 1000ng/ml. MDMA: Methylenedioxy-methamphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml	Test	3.000

				<p>MOP: Morphine 300ng/ml</p> <p>Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút.</p> <p>Độ nhạy: 99.9%</p> <p>Độ đặc hiệu: 99.9%</p> <p>Mỗi vạch thử T chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và liên hợp protein-thuốc tương ứng.</p> <p>Đường kiểm chứng C có chứa kháng thể đa dòng IgG dê kháng IgG thử và kháng thể IgG thử.</p>		
54	55	VT.2025.55	Ống nghiệm Citrate	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE</p>	Ống	7.000
55	56	VT.2025.56	Băng bột bó thủy tinh	<p>Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 10cm, cuộn dài tối thiểu 3.60m</p>	Cuộn	1.600
56	57	VT.2025.57	Băng bột bó thủy tinh	<p>Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 12,5cm, cuộn dài tối thiểu 3.60m</p>	Cuộn	600
57	58	VT.2025.58	Băng bột bó thủy tinh	<p>Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 7,5cm, cuộn dài tối thiểu 3.60m</p>	Cuộn	200
58	59	VT.2025.59	Chèn lưới nhựa	<p>Các Size 60mm (màu đen),70mm (màu trắng),80mm (màu xanh),90mm (màu vàng),100mm (màu đỏ) chất liệu nhựa y tế</p> <p>01 cái/ túi</p> <p>50 cái/ hộp</p> <p>Ký mã hiệu: GlobalRoll</p> <p>Không gây độc, không gây kích ứng, đã tiệt trùng , sử dụng 1 lần.</p>	Cái	200
59	60	VT.2025.60	Mask oxy không túi các cỡ	<p>PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2100mm, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi F77 nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. 	Cái	2.000
60	61	VT.2025.61	Tay dao mổ điện 3 giắc	<p>Mô tả: Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ $\Phi 2.4$mm, lưỡi dao có thể tháo rời</p> <p>Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt.</p> <p>Chiều dài điện cực: 70mm.</p> <p>Chiều dài cáp: 3m</p> <p>Chiều dài tay cầm: 155mm</p> <p>Loại chân cắm: 3 chân tròn (3 x $\Phi 4$mm)</p>	Cái	500

				Tiệt trùng: Bằng khí EO		
61	62	VT.2025.62	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	2.000
62	63	VT.2025.63	Khay xét nghiệm định tính kháng thể Treponema pallidum	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói bao gồm: Test thử, Dung dịch pha loãng, Pipet mao quản, Kim chích tiết trùng, Miếng bông thấm cotton để lấy mẫu máu chích đầu ngón tay. - Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA. - Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng - kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (1,0±0,2 µg); Vạch thử: Kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (0,7±0,14 µg); vạch chứng: Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum (0,75 ± 0,15 µg) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai - Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II). - Không xảy ra tương tác với 34 hợp chất: Phụ nữ mang thai, cholesterol cao, bilirubin cao, yếu tố dạng thấp, mỡ trong máu, huyết tan, tự miễn, xơ gan do rượu, mang thai nhiều lần, Abacavir, Acetaminophen, Axid acetylsalicylic, Amoxicillin, Aspirin, Cholecalciferol, Cyclobenzaprine, Darunavir, Diclofenac, Ergocalciferol, Axit folic, Hydrochlorothiazide, Ibuprofen, Sắt clorua, Isoniazid, Axid L-ascorbic, Naproxen, Nevirapine, Pantoprazole, Magie sulfat, Metformin, Pyrazinamide, Rifampicin, Ritonavir, Axid salicylic - Kit thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C - Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO - Hộp 100 test - Được đánh giá bởi USAID. - Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List) 	Test	200
63	64	VT.2025.64	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút Rôta nhóm A	<p>Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 98.3% và tương quan là 96.9% với RT-PCR. - 1 test thử bao gồm; Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút Rota -chất keo vàng (1,0 ± 0,2 µg), vạch 	Test	400

				<p>thử: Kháng thể thô kháng vi rút Rota (1,260 ± 0,252 µg), vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,720 ± 0,014 µg)</p> <ul style="list-style-type: none"> Dung dịch pha loãng bao gồm: Dung dịch đệm photphat (20 mM), Albumin huyết thanh bò (1%), Natri azua (0,01%), Natri clorua (0,1 M), Tween 20 (0,1%) - Ngưỡng phát hiện: 3.9X102.0 TCID50/ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE 		
64	65	VT.2025.65	Phim lazer X Quang 35 x 43 cm	<p>Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 35*43 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH. .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phù hợp cho máy in phim Fujifilm laser Drypix. - Xuất xứ: G7 và đạt tiêu chuẩn EU. 	Tờ	15.000
65	66	VT.2025.66	Phim lazer X Quang 8 x10 inch	<p>Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 20*25 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH. .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phù hợp cho máy in phim Fujifilm laser Drypix. - Xuất xứ: G7 và đạt tiêu chuẩn EU. 	Tờ	200.000
66	67	VT.2025.67	Phim lazer X Quang 10 x12 inch	<p>Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 25*30 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH. .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phù hợp cho máy in phim Fujifilm laser Drypix. - Xuất xứ: G7 và đạt tiêu chuẩn EU. 	Tờ	2.000
67	68	VT.2025.68	Kim chọc dò, gậy tê tủy sống các cỡ	<ol style="list-style-type: none"> Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3.41mm - 1.23 mm Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim, đúc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 	Cái	2.500

				<p>5. Tiệt trùng EO</p> <p>6. Công nghệ thép sản xuất tại Nhật Bản</p> <p>7. Mã code theo màu sắc để chọn lựa</p> <p>8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>		
68	69	VT.2025.69	Bộ dây truyền máu	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Dây dài ≥ 1500mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc $200\mu\text{m}$, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml.</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về giới hạn tan máu : ISO 10993-4:2017</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về độc tính hệ thống: ISO 10993-11:2017</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về độ nhạy cảm: ISO 10993-10:2021</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về nội độc tố tế bào: ISO 10993-5:2009</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về chất gây sốt: ISO 10993-11:2017</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về kích ứng: ISO 10993-23:2021</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015</p>	Cái	120
69	70	VT.2025.70	Kim tiêm nha khoa	<p>1. Kim 3 mặt vát, thành mỏng, bén nhưng vẫn chắc chắn giúp xuyên mượt mà không gây tổn thương. Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304</p> <p>2. 27G: Đường kính ngoài của kim 0.4-0.42 mm. Đường kính trong 0.184 mm. Chiều dài mặt vát 1.8-2.2 mm</p> <p>30G: Đường kính ngoài của kim 0.31-0.325 mm. Đường kính trong của kim 0.140 mm. Chiều dài mặt vát 1.3-1.7 mm</p> <p>3. Kháng lực xuyên da $\leq 55\text{gf}$ (27G); $\leq 50\text{gf}$ (30G)</p> <p>4. Có ký hiệu trên đốc kim giúp định hướng mặt vát</p> <p>5. Mã màu sắc để chọn lựa</p> <p>6. Tiệt trùng EO/ EOG</p> <p>7. Đạt ISO 13485, CE</p>	Cái	1.700
70	71	VT.2025.71	Que đè lưỡi gỗ	<p>"- Thành phần: Chất liệu gỗ</p> <p>- Kích thước: khoảng 150 x 20 x 2mm</p> <p>- Công dụng: Dùng đè lưỡi."</p>	Cái	10.000
71	72	VT.2025.72	Rọ lấy sỏi	Rọ lấy sỏi tay cầm 3 lỗ, có khóa điều chỉnh trên thân cầm rọ gồm 4 dây hình Helical chất liệu Nitinol, cỡ 3Fr, dài 90cm, dùng lấy sỏi niệu quản, tiệt trùng, sử dụng một lần.	Cái	25
72	73	VT.2025.73	Nhiệt kế thủy ngân	<p>Kích thước: 135x18x14mm</p> <p>Dải đo nhiệt độ cơ thể: 35-42 độ C</p> <p>Bước nhảy: 0,1 độ C</p>	Cái	200

73	74	VT.2025.74	Giấy in nhiệt máy sinh hoá	- Thành phần: Chất liệu giấy trắng in nhiệt - Kích thước: khoảng 50 x 3000 x 12mm (rộng x dài x dày cuộn giấy).	Cuộn	220
74	75	VT.2025.75	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	2.500
75	76	VT.2025.76	Ampu bóp bóng các cỡ	Bao gồm: Mask gây mê, bóp bóng, dây nối oxy, túi trữ oxy hô hấp lại. Có 3 kích cỡ: sơ sinh, trẻ em, người lớn. Do dùng một lần nên nó có thể loại bỏ khả năng lây nhiễm chéo. Bất kỳ việc làm sạch, khử trùng hoặc khử trùng nào đều không cần thiết đối với nó. Nó được trang bị van giới hạn áp suất để đảm bảo an toàn cho Bệnh nhân. Bề mặt có kết cấu của nó đảm bảo độ bám chắc chắn và mang lại khả năng thông gió hiệu quả. Đầu nối bệnh nhân là 22/15mm (ISO5356-1). Làm từ PVC và hoàn toàn dùng một lần. 100% không chứa latex.	Cái	20
76	77	VT.2025.77	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong $\leq 0.9\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 1.9\text{mm}$, có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối 75 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	700
77	78	VT.2025.78	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong $\leq 0.9\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 1.9\text{mm}$, có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối 140 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	300
78	79	VT.2025.79	Kim luồn mạch máu an toàn	Chất liệu: Đầu kim inox 304 không gỉ; catheter nhựa: FEP-Teflon có 4 đường cân quang ngầm. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Đầu kim 3 mặt vát. Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Cơ chế trào máu 2 thì. Kim luôn có cánh, không cửa số 20G: tốc độ chảy 60ml/phút, 3600ml/giờ, 22G, tốc độ chảy 35ml/phút, 2100ml/giờ, 24G, tốc độ chảy 22ml/phút, 1320ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x32mm. Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách bé hơn hoặc bằng 1mm. Chứng nhận FDA	cái	10.000
79	80	VT.2025.80	Đinh kirschner đầu vát nhọn không ren	Đinh Kirschner hai đầu nhọn, được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đinh có các đường kính 1.2/1.5/1.8/2.0/2.5/3.0 mm. Chiều dài đinh với các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm.	Cái	130
80		Nẹp khoá bản hợp các cỡ và vít tương ứng				
	81	VT.2025.81	Nẹp khóa bản hợp các cỡ	Nẹp khóa bản hợp được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Nẹp dày 4.5mm, rộng 14mm, số lỗ bắt vít kết hợp trên thân nẹp từ 4 đến 20 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 18 mm, chiều dài từ 79.5 - 367.5mm, kết hợp vít khóa 5.0mm và vít thường 4.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp có thêm 2 lỗ nhỏ đường kính 2.0mm. Thân nẹp thể hiện rõ kí hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn.	Cái	4
	82	VT.2025.82	Vít khóa 5.0 mm các cỡ	Vít khóa 5.0 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 6.5 mm với độ cao 4.6 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5 mm, sâu 2.8 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 5.0 mm,	Cái	35

				chiều dài từ 16 mm - 90 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 16 mm - 70mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 70 mm - 90 mm. Phù hợp với nẹp khoá bản hẹp các cỡ		
83	VT.2025.83	Vít xương cứng tự taro 4.5 mm các cỡ		Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5mm, sâu 2.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 3.1mm, gồm cả ren 4.5mm, chiều dài từ 12mm - 80mm, bước tăng 2mm; bước ren 1.75mm. Phù hợp với nẹp khoá bản hẹp các cỡ	Cái	35
81	Nẹp khoá chữ T các cỡ và vít tương ứng					
84	VT.2025.84	Nẹp khoá chữ T các cỡ		Nẹp khoá bản nhỏ được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Nẹp dày 3.5mm, rộng 11mm, số lỗ bắt vít kết hợp trên thân nẹp từ 4 đến 12 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 13.5 mm, chiều dài từ 61 - 169mm, kết hợp vít khoá 3.5mm và vít thường 3.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp có thêm 2 lỗ nhỏ đường kính 1.5mm. Thân nẹp thể hiện rõ kí hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn.	Cái	4
85	VT.2025.85	Vít khoá 3.5 mm các cỡ		Vít khoá 3.5 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với nẹp khoá chữ T các cỡ	Cái	36
82	Nẹp khoá chữ T dùng cho đầu dưới xương quay và vít tương ứng					
86	VT.2025.86	Nẹp khoá chữ T dùng cho đầu dưới xương quay		Nẹp khoá bản nhỏ chữ T (nẹp khoá đầu dưới xương quay) trái/ phải được làm từ chất liệu thép không gỉ, độ dày 2 mm, đầu nẹp rộng 23mm, thân nẹp rộng 10 mm, số lỗ bắt vít từ 2 đến 10 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 10.5mm, chiều dài tương ứng theo số lỗ 43.9-127.9 mm, kết hợp vít khoá 3.5 mm và vít thường 3.5 mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít.	Cái	4
87	VT.2025.87	Vít khoá 3.5 mm các cỡ		Vít khoá 3.5 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khoá chữ T dùng cho đầu dưới xương quay	Cái	36
83	Nẹp khoá đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ và vít tương ứng					
88	VT.2025.88	Nẹp khoá đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ		Nẹp khoá đầu dưới xương chày trái, phải được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5, độ dày 4.0 mm, thân nẹp rộng 14.8mm, đầu nẹp có 8 lỗ bắt vít, số lỗ bắt vít kết hợp trên thân nẹp từ 4 đến 14 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 13mm, chiều dài nẹp từ 109 mm-239mm, sử dụng kết hợp vít khoá 3.5mm và vít thường 3.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp thể hiện rõ kí hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn.	Cái	10
89	VT.2025.89	Vít khoá 3.5 mm các cỡ		Vít khoá 3.5 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khoá đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ	Cái	70
90	VT.2025.90	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm		Vít được làm từ titanium cấp độ 5, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu	Cái	70

			các cỡ	lục giác vắn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ		
84		Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ và vít tương ứng				
	91	VT.2025.91	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài trái, phải được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5, độ dày 4.0 mm, rộng 14.5mm, số lỗ bắt vít kết hợp trên thân nẹp từ 4 đến 14 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 13mm, chiều dài nẹp từ 95mm-225mm, sử dụng kết hợp vít khóa 3.5mm và vít thường 3.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ	Cái	10
	92	VT.2025.92	Vít khóa 3.5 mm các cỡ	Vít khóa 3.5 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vắn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ	Cái	70
	93	VT.2025.93	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ	Vít được làm từ titanium cấp độ 5, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục giác vắn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái,phải các cỡ	Cái	70
85		Nẹp khóa đầu dưới xương đòn và vít tương ứng				
	94	VT.2025.94	Nẹp khóa đầu dưới xương đòn	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn trái, phải được làm từ chất liệu thép không gỉ, độ dày 3mm, đầu nẹp rộng 16.66mm, có 6 lỗ bắt vít dùng vít khóa 2.7mm, thân nẹp rộng 10mm, số lỗ bắt vít từ 4 đến 8 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 14mm, chiều dài tương ứng theo số lỗ từ 79mm-135mm, kết hợp vít khóa 3.5mm và vít thường 3.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít.	Cái	10
	95	VT.2025.95	Vít khóa 2.7 mm các cỡ	Vít khóa 2.7 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 3.5mm/3.9 mm với độ cao 2.35/2.7mm, đầu lục giác vắn vít đường kính 2.0 mm, sâu 1.3 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 2.7 mm, chiều dài từ 12 mm - 60 mm, bước tăng 2 mm. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương đòn chất liệu thép không gỉ	Cái	18
	96	VT.2025.96	Vít khóa 3.5 mm các cỡ	Vít khóa 3.5 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vắn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương đòn chất liệu thép không gỉ	Cái	18
	97	VT.2025.97	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ	Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục giác vắn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp khóa đầu dưới xương đòn chất liệu thép không gỉ	Cái	18
86		Nẹp khóa bản rộng các cỡ và vít tương ứng				
	98	VT.2025.98	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	Nẹp khóa bản rộng được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Nẹp dày 5.2mm, rộng 17.5mm, số	Cái	4

				lỗ bắt vít kết hợp trên thân nẹp từ 5 đến 22 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 18 mm, chiều dài từ 100 - 406mm, kết hợp vít khóa 5.0mm và vít thường 4.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp có thêm 2 lỗ nhỏ đường kính 2.0mm. Thân nẹp thể hiện rõ kí hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn.		
	99	VT.2025.99	Vít khóa 5.0 mm các cỡ	Vít khóa 5.0 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 6.5 mm với độ cao 4.6 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5 mm, sâu 2.8 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 5.0 mm, chiều dài từ 16 mm - 90 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 16 mm - 70mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 70 mm - 90 mm. Phù hợp với Nẹp khóa bản rộng các cỡ	Cái	36
	100	VT.2025.100	Vít xương cứng tự taro 4.5 mm các cỡ	Vít được làm từ titanium cấp độ 5, tự taro. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5mm, sâu 2.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 3.1mm, gồm cả ren 4.5mm, chiều dài từ 12mm - 80mm, bước tăng 2mm; bước ren 1.75mm. Phù hợp với Nẹp khóa bản rộng các cỡ	Cái	36
87		Nẹp khóa LCP tái tạo xương đôn chữ S (trái, phải) và vít tương ứng				
	101	VT.2025.101	Nẹp khóa LCP tái tạo xương đôn chữ S (trái, phải)	Nẹp khóa thân xương đôn chữ S trái, phải được làm từ chất liệu thép không gỉ, độ dày 2.5 mm, rộng 10.2mm, số lỗ bắt vít từ 6 đến 8 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 14mm, chiều dài tương ứng theo số lỗ từ 90mm-118mm, kết hợp vít khóa 3.5mm và vít thường 3.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp có thêm 2 lỗ nhỏ đường kính 2.2mm cho đinh kisner để cố định nẹp.	Cái	60
	102	VT.2025.102	Vít khóa 3.5 mm các cỡ	Vít khóa 3.5 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khóa LCP tái tạo xương đôn chữ S (trái,phải)	Cái	90
	103	VT.2025.103	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ	Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp khóa LCP tái tạo xương đôn chữ S (trái,phải)	Cái	90
88		Nẹp khóa xương đôn trái, phải các cỡ và vít tương ứng				
	104	VT.2025.104	Nẹp khóa xương đôn trái, phải các cỡ	Nẹp khóa thân xương đôn chữ S trái, phải được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5, độ dày 2.5 mm, rộng 10.2mm, số lỗ bắt vít từ 6 đến 8 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 14mm, chiều dài tương ứng theo số lỗ từ 90mm-118mm, kết hợp vít khóa 3.5mm, vít khóa xương xốp 3.5mm và vít thường 3.5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Trên nẹp có thêm 2 lỗ nhỏ đường kính 2.2mm cho đinh kisner để cố định nẹp.	Cái	30
	105	VT.2025.105	Vít khóa 3.5 mm các cỡ	Vít khóa 3.5 mm được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khóa xương đôn trái, phải các cỡ	Cái	45
	106	VT.2025.106	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm	Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục	Cái	45

			các cỡ	giác vặn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp khóa xương đòn trái, phải các cỡ		
89		Nẹp khóa xương mác và vít tương ứng				
	107	VT.2025.107	Nẹp khóa xương mác	Nẹp khóa đầu dưới xương mác, phân biệt trái/phải, dày 1.85mm, cỡ gồm 4. 6, 8 lỗ dài tương ứng là: 81.5mm, 97.5mm, 113.5mm, dùng vít khóa đường kính 3.5mm. Chất liệu titanium.	Cái	8
	108	VT.2025.108	Vít khóa 3.5 mm các cỡ	Vít khóa 3.5 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp khóa xương mác	Cái	60
90		Nẹp lồng máng 1/3rd và vít tương ứng				
	109	VT.2025.109	Nẹp lồng máng 1/3rd	Nẹp lồng máng 1/3 được làm từ chất liệu làm từ thép không gỉ. Độ dày 1.8 mm, rộng 10 mm, số lỗ bắt vít từ 3 đến 12 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 12mm, chiều dài tương ứng 39.8 mm - 147.8 mm, dùng vít thường 3.5 mm.	Cái	10
	110	VT.2025.110	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ	Vít được làm từ thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp lồng máng 1/3rd	Cái	100
91		Nẹp xương khóa LCP chữ T và vít tương ứng				
	111	VT.2025.111	Nẹp xương khóa LCP chữ T	Nẹp khóa bản nhỏ chữ T (nẹp khóa đầu dưới xương quay) được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5, độ dày 2 mm, đầu nẹp rộng 23mm, thân nẹp rộng 10 mm, số lỗ bắt vít từ 2 đến 10 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 10.5mm, chiều dài tương ứng theo số lỗ 43.9-127.9 mm, kết hợp vít khóa 3.5 mm và vít thường 3.5 mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít.	Cái	10
	112	VT.2025.112	Vít khóa 3.5 mm các cỡ	Vít khóa 3.5 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 4.9 mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5 mm, sâu 1.5 mm. Độ rộng thân vít gồm cả ren 3.5 mm, chiều dài từ 12 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dải từ 12 mm - 60mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm. Phù hợp với Nẹp xương khóa LCP chữ T	Cái	45
	113	VT.2025.113	Vít xương cứng tự taro 3.5 mm các cỡ	Vít được làm từ titanium cấp độ 5, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 3.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 2.5mm, sâu 1.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm, bước ren 1.25mm. Phù hợp với Nẹp xương khóa LCP chữ T	Cái	45
92	114	VT.2025.114	Que bông y tế	Que tăm bông thân nhựa dài 15cm; đầu quần bông đường kính 4-5mm dùng để sát trùng, chăm sóc vết thương.	cái	10.000
93	115	VT.2025.115	Cồn tuyệt đối	Ethanol 99%	ml	3.000
94	116	VT.2025.116	Cồn 70 độ	Cồn đạt 70 độ, trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng	ml	2.500.000
95	117	VT.2025.117	Cồn 90 độ	Cồn đạt 90 độ, trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng	ml	2.500.000

96	118	VT.2025.118	Thuốc nhuộm Giemsa	- Thành phần: Eosin-methylene xanh: 7g/L Methanol: 50% Glycerol: 50% - Dung dịch đệm phosphat pH=7,2: 8x25ml	MI	4.000
97	119	VT.2025.119	Băng chỉ thị nhiệt dùng cho hấp ướt	* Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước, kích thước 24mm x 55m * Mục chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì, không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,... * Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị “bung ra” trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn * Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt / râm nắng sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước * Là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. * Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị của nhà sản xuất Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Cuộn	30
98	120	VT.2025.120	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh các cỡ	chất liệu: Thủy tinh trung tính Kích thước: đường kính: 12mm chiều dài ống: 120mm đóng gói: 250 cái/ hộp	cái	15.000
99	121	VT.2025.121	Ống ly tâm	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 2ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 16.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	cái	2.000
100		Vật tư dùng cho hệ thống xét nghiệm đông máu bán tự động THROMBOSTAT 2				
	122	VT.2025.122	Bi tử cho xét nghiệm đông máu bán tự động	Bi tử cho xét nghiệm đông máu bán tự động THROMBOSTAT 2	cái	18.500
	123	VT.2025.123	Cồng đo xét nghiệm đông máu bán tự động	Cồng đo chuyên dùng cho máy xét nghiệm đông máu THROMBOSTAT 2	cái	18.000

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Yêu cầu báo giá Số: /TB-BVTH ngày 04 tháng 03 năm 2025)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] - Mã số thuế:.....

Báo giá cho các mặt hàng như sau:

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Hàng hóa A									
2	Hàng hóa B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.

(5) , (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của trang thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của ãcm giá tương ứng với từng trang thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế. Đối với các trang thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá

